



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TỰ NHÂN TRIỀU AN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022
đã được soát xét

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 3908; 3910 6162 - Fax: 028. 3910 4880

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TỰ NHÂN TRIỀU AN**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022
đã được soát xét**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 42



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

Khái quát

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An (tên giao dịch là Trieu An Hospital Corporation), tiền thân là Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 071727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 1999. Công ty được chuyển đổi thành “Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An” theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số cũ 4103004995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 số 0301765901 vào ngày 8 tháng 8 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá - chi tiết: bệnh viện.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - chi tiết: nhà hàng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - chi tiết: khách sạn, nhà nghỉ (không kinh doanh tại trụ sở).
- Giáo dục nghề nghiệp - chi tiết: đào tạo nghề. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí - chi tiết: tổ chức biểu diễn nghệ thuật.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: kinh doanh khu vui chơi giải trí.
- Hoạt động của các cơ sở thể thao - chi tiết: hồ bơi, bóng rổ, bóng nước, bóng ném, sân quần vợt, cầu lông, bãi tắm, hồ câu cá, bãi biển, cưỡi ngựa, cưỡi voi tham quan, cưỡi thuyền bay, đi du thuyền.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An - Nghĩa trang Thạnh Đức tại: Ấp 2, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Henri	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hải Tùng	Thành viên	
Ông Võ Ngọc Sơn	Thành viên thường trực	
Ông Trịnh Nhật Toàn	Thành viên	
Bà Dương Thị Đẹt	Thành viên	Đến ngày 30/5/2022
Bà Viên Tú Anh	Thành viên	
Bà Trâm Thuyết Kiều	Thành viên	
Ông Lê Trọng Trí	Thành viên	Từ ngày 30/5/2022
Ông Nguyễn Hồng Chiến	Thành viên	Từ ngày 30/5/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc tài chính
Ông Trịnh Nhật Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trâm Thuyết Kiều	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trọng Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thanh Trắc	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Xuân Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Chiến	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Trâm Sê	Trưởng ban
Bà Phan Thị Tuyết Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Hải Tùng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển

tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 7 đến trang 42 và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Võ Ngọc Sơn

Phó Tổng Giám đốc tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

TR. H. H. L.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An, được lập ngày 15/08/2022, từ trang 7 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số V.11, Công ty chưa xác định giá hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30/6/2022, do đó, Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá liệu có tổn thất vốn đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính dài hạn này hay không, vì vậy không thể xác định sự cần thiết phải điều chỉnh ảnh hưởng của Chúng trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Cúc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0700-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

TRÁ
D
TÀI
/N/

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. Tài sản ngắn hạn	100		127.958.214.799	80.152.293.787
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.736.808.285	32.675.822.978
1. Tiền	111		21.508.629.202	12.609.626.709
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.228.179.083	20.066.196.269
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.451.112.887	25.124.226.876
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	34.608.806.564	12.859.266.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.917.764.360	3.910.863.396
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	8.623.976.920	9.053.531.621
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(699.434.957)	(699.434.957)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	37.039.532.383	17.506.178.340
1. Hàng tồn kho	141		37.045.773.480	17.513.587.383
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.241.097)	(7.409.043)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.730.761.244	4.846.065.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.488.931.006	2.000.935.192
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		794.302.238	816.606.238
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	1.447.528.000	2.028.524.163
B. Tài sản dài hạn	200		966.350.475.234	979.358.036.598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		491.024.726.428	491.024.726.428
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	491.024.726.428	491.024.726.428
II. Tài sản cố định	220		219.694.148.064	232.613.712.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	198.522.911.164	211.442.475.334
- Nguyên giá	222		456.479.478.689	456.198.338.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.956.567.525)	(244.755.863.355)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.171.236.900	21.171.236.900
- Nguyên giá	228		21.171.236.900	21.171.236.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	27.226.425.547	27.234.051.682
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		27.141.901.027	27.149.527.162
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		84.524.520	84.524.520
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	223.040.000.000	222.240.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		38.040.000.000	37.240.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		75.000.000.000	75.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.000.000.000	110.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.365.175.195	6.245.546.254
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	5.365.175.195	6.245.546.254
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.094.308.690.033	1.059.510.330.385

2138
ÔNG
NHÌM
VỤ T
ÍNH H
KIỂM
AM V
P. H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. Nợ phải trả	300		545.114.534.827	522.555.777.832
I. Nợ ngắn hạn	310		242.899.659.609	216.626.902.614
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	95.315.460.983	65.398.587.078
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.934.748.307	4.372.330.301
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.14	222.452.300	2.066.104
4. Phải trả người lao động	314		5.792.195.427	11.462.103.117
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.088.408.051	3.648.185.095
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	123.996.190.492	124.315.630.919
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	7.428.000.000	7.428.000.000
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		122.204.049	-
II. Nợ dài hạn	330		302.214.875.218	305.928.875.218
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	279.485.239.428	279.485.239.428
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	22.729.635.790	26.443.635.790
D. Vốn chủ sở hữu	400		549.194.155.206	536.954.552.553
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	549.194.155.206	536.954.552.553
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		490.000.000.000	490.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		490.000.000.000	490.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.685.815.743	42.593.823.597
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		194.099.139	194.099.139
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.314.240.324	4.166.629.817
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.522.427.558	31.044.202.259
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.791.812.766	(26.877.572.442)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.094.308.690.033	1.059.510.330.385

Người lập biểu

Đặng Thị Ngọc Mai

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Phạm Thị Mỹ Linh

Phó Tổng Giám đốc

Võ Ngọc Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		259.330.862.749	222.155.903.384
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.800.000	11.889.829
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	259.329.062.749	222.144.013.555
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	228.482.215.641	206.324.594.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.846.847.108	15.819.418.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	333.069.608	657.712.334
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	326.672.826	432.539.123
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	316.584.955	61.932.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	20.273.737.764	19.618.232.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.262.921.171	(3.635.573.430)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.550.897.373	1.561.726.583
12. Chi phí khác	32	VI.8	22.005.778	-
13. Lợi nhuận khác	40		3.528.891.595	1.561.726.583
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.791.812.766	(2.073.846.847)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	326.928.370
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.791.812.766	(2.400.775.217)

Người lập biểu

Đặng Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng

Phạm Thị Mỹ Linh

Phó Tổng Giám đốc



Võ Ngọc Sơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. (Lỗ)/ Lợi nhuận trước thuế	01		13.791.812.766	(2.073.846.847)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.200.704.170	12.857.238.337
- Các khoản dự phòng	03		(1.167.946)	(2.713.634)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(333.069.608)	(657.712.334)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.658.279.382	10.122.965.522
- (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	(20.809.677.307)	(36.402.056.670)
- Giảm hàng tồn kho	10		(19.524.559.962)	(1.456.629.047)
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	30.612.040.396	27.483.187.109
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		1.392.375.245	(1.579.962.850)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.123.263.723)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(503.182.000)	(1.655.913.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.825.275.754	(5.611.673.595)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(3.929.760.055)	(10.546.456.045)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(800.000.000)	(700.000.000)
3. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	333.069.608	657.712.334
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.396.690.447)	(10.588.743.711)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.714.000.000)	(3.714.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(653.600.000)	(2.504.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.367.600.000)	(6.218.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.060.985.307	(22.418.817.306)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	32.675.822.978	60.516.896.409
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	41.736.808.285	38.098.079.103

Người lập biểu



Đặng Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng



Phạm Thị Mỹ Linh



Võ Ngọc Sơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An (tên giao dịch là Trieu An Hospital Corporation), tiền thân là Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 071727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 1999. Công ty được chuyển đổi thành “Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An” theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số cũ 4103004995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 số 0301765901 vào ngày 8 tháng 8 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An - Nghĩa trang Thạnh Đức tại: Ấp 2, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 715 người (tại ngày 31/12/2021 là 731 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ khám, chữa bệnh.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá - chi tiết: bệnh viện. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - chi tiết: nhà hàng. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - chi tiết: kinh doanh bất động sản. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - chi tiết: khách sạn, nhà nghỉ (không kinh doanh tại trụ sở). Giáo dục nghề nghiệp - chi tiết: đào tạo nghề. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí - chi tiết: tổ chức biểu diễn nghệ thuật. Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: kinh doanh khu vui chơi giải trí. Hoạt động của các cơ sở thể thao - chi tiết: hồ bơi, bóng rổ, bóng nước, bóng ném, sân quần vợt, cầu lông, bãi tắm, hồ câu cá, bãi biển, cỡi ngựa, cỡi voi tham quan, cỡi thuyền bay, đi du thuyền. Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2022, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 1 Công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

3052
CỔ
ÁCH NH
MCH V
I CHỈ
VÀ KI
NAI
- TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều	Số 119-121, Đường Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Tư vấn đầu tư, tư vấn du học; đào tạo ngoại ngữ, tin học, phòng khám đa khoa

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An Loan Trâm	Số 379C ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	30%	30%	Hoạt động bệnh viện

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm
- Tài sản khác	06 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trong trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của Công ty theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát hay hình thức BCC chia lợi nhuận sau thuế.

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

BCC chia lợi nhuận sau thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm các lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với NSNN, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải thu về các khoản cho vay và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4-C
Y
CỦA
VĂN
TOÁN
ĐẢN
T
CHÍ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Ảnh hưởng của Covid-19

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 03 năm 2020 tại Việt Nam đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	5.481.006.954	5.462.331.468
Tiền gửi ngân hàng	16.027.622.248	7.147.295.241
Các khoản tương đương tiền	20.228.179.083	20.066.196.269
Cộng	<u>41.736.808.285</u>	<u>32.675.822.978</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh	31.934.932.586	12.384.897.114
Các khách hàng khác	2.673.873.978	474.369.702
Cộng	<u>34.608.806.564</u>	<u>12.859.266.816</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp.HCM	47.966.305	1.111.698.591
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Sài Thành	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Y tế Hòa Hào	11.568.500	1.650.000.000
Công ty TNHH TMDV Y Tế Miền Đông	860.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	1.398.229.555	549.164.805
Cộng	<u>2.917.764.360</u>	<u>3.910.863.396</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

4. Phải thu khác

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	8.623.976.920	9.053.531.621
Qũy phúc lợi, khen thưởng	-	926.824.064
Tạm ứng	1.595.410.709	1.098.141.346
<i>Trong đó, tạm ứng cho các thành viên chủ chốt (*)</i>	<i>790.000.000</i>	<i>790.000.000</i>
Phải thu bà Trầm Thuyết Kiều (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	14.350.000	14.350.000
Các khoản phải thu khác	14.216.211	14.216.211
b) Dài hạn	491.024.726.428	491.024.726.428
<i>Nhận góp vốn hợp tác đầu tư</i>	<i>491.024.726.428</i>	<i>491.024.726.428</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh (i)	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 (ii)	446.024.726.428	446.024.726.428
Cộng	499.648.703.348	500.078.258.049
c) Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)	7.790.000.000	7.790.000.000
(i) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh theo Hợp đồng nguyên tắc số 39/HĐKT.2008 ngày 12 tháng 02 năm 2008 với nội dung: Hợp tác đầu tư thực hiện dự án căn hộ cao cấp số 84 An Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh làm chủ đầu tư dự án. Tỷ lệ vốn góp của Công ty là 90% trong giai đoạn đầu, tỷ lệ vốn góp này có thể được điều chỉnh căn cứ vào khả năng tài chính của hai bên trong quá trình thực hiện dự án. Việc đầu tư không hình thành pháp nhân, phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp thực tế. Đến ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào dự án với Công ty Cổ phần Thương mại và Địa ốc Bình Chánh với số tiền là 45.000.000.000 VND, và dự án chưa hoàn thành.		
(ii) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 (trước đây là Công ty Quản lý và Phát triển Đô thị Quận 9) theo Hợp đồng hợp tác số 291/HĐHT ngày 19 tháng 4 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng số 405/PLHĐ-CTY ngày 20 tháng 6 năm 2011 với nội dung: Hợp tác đầu tư thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất vật liệu xây dựng Long Sơn, phường Long Bình, quận 9 với qui mô là 25,3732 ha do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 làm chủ đầu tư dự án. Tỷ lệ vốn góp của Công ty là 90% tổng mức đầu tư cả dự án, tỷ lệ vốn góp này có thể được điều chỉnh căn cứ vào khả năng tài chính của hai bên trong quá trình thực hiện dự án (trong đó, vốn góp của các cá nhân theo Thuyết minh mục V.16.i chiếm 62% phần vốn góp của Công ty). Việc đầu tư không hình thành pháp nhân, phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp sau khi hoàn thành và khai thác xong dự án. Đến ngày 30/6/2022, Công ty đã đầu tư vào dự án với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 với số tiền là 446.024.726.428 VND, và dự án chưa hoàn thành.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

5. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Sở Y Tế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	9.734.957	(9.734.957)	9.734.957	(9.734.957)
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Thành	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Công ty TNHH MTV XD-TM-DV An Lạc Tân	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
Công ty TNHH SX sản phẩm Điện - Thương Mại Tự Động	8.000.000	(8.000.000)	8.000.000	(8.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng nhân viên Ông Nguyễn Đức Viên	31.700.000	(31.700.000)	31.700.000	(31.700.000)
Cộng	699.434.957	(699.434.957)	699.434.957	(699.434.957)

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	18.174.477.728	-	3.801.280.476	-
Công cụ, dụng cụ	72.952.185	-	69.717.987	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.677.166.435	(6.241.097)	5.263.126.654	(7.409.043)
Hàng hoá	12.121.177.132	-	8.379.462.266	-
Cộng	37.045.773.480	(6.241.097)	17.513.587.383	(7.409.043)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.488.931.006	2.000.935.192
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	112.124.181	150.460.470
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.376.806.825	1.850.474.722
b) Dài hạn	5.365.175.195	6.245.546.254
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.068.265.945	2.447.357.138
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.296.909.250	3.798.189.116
Cộng	<u>6.854.106.201</u>	<u>8.246.481.446</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỰ NHÂN TRIỀU AN

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc
ngày 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2022	125.614.686.441	309.019.087.521	18.825.707.739	1.890.841.261	848.015.727	456.198.338.689
Tăng trong kỳ	-	240.000.000	-	78.485.000	-	318.485.000
Mua sắm mới	-	240.000.000	-	41.140.000	-	281.140.000
Điều chỉnh trình bày	-	-	-	37.345.000	-	37.345.000
Giảm trong kỳ	-	-	37.345.000	-	-	37.345.000
Điều chỉnh trình bày	-	-	37.345.000	-	-	37.345.000
30/06/2022	125.614.686.441	309.259.087.521	18.788.362.739	1.969.326.261	848.015.727	456.479.478.689

Đơn vị tính: VND

Giá trị hao mòn lũy kế

01/01/2022	59.400.708.073	173.329.434.610	9.862.323.030	1.543.645.924	619.751.718	244.755.863.355
Tăng trong kỳ	2.857.952.182	9.458.240.146	822.210.637	27.630.277	34.670.928	13.200.704.170
Khấu hao trong kỳ	2.857.952.182	9.458.240.146	822.210.637	27.630.277	34.670.928	13.200.704.170
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
30/06/2022	62.258.660.255	182.787.674.756	10.684.533.667	1.571.276.201	654.422.646	257.956.567.525

Giá trị còn lại

Tại 01/01/2022	66.213.978.368	135.689.652.911	8.963.384.709	347.195.337	228.264.009	211.442.475.334
Tại 30/06/2022	63.356.026.186	126.471.412.765	8.103.829.072	398.050.060	193.593.081	198.522.911.164

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 90.877.198.478 VND (tại ngày 31/12/2021: 90.219.782.473 VND).
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện các quyền sử dụng đất của Công ty. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	30/06/2022
Nguyên giá	21.171.236.900	-	-	21.171.236.900
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	21.171.236.900	-	-	21.171.236.900

10. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	27.141.901.027	27.149.527.162
Chi phí đất Nghĩa trang Thạnh Đức, Long An	27.141.901.027	27.149.527.162
b) Xây dựng cơ bản dở dang	84.524.520	84.524.520
Dự án du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Triều An	84.524.520	84.524.520
Cộng	27.226.425.547	27.234.051.682

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc
ngày 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2022		01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con					
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều (i)	38.040.000.000	-	-	37.240.000.000	6.397.912.869
	38.040.000.000	-	-	37.240.000.000	6.397.912.869
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An Loan Trâm (ii)	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	34.183.064.181
	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000	34.183.064.181
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu đô thị mới Sài Gòn (iii)	110.000.000.000	-	-	110.000.000.000	167.442.692.161
	110.000.000.000	-	-	110.000.000.000	167.442.692.161
Cộng	223.040.000.000	-	-	222.240.000.000	208.023.669.211

Thông tin chi tiết các khoản đầu dài hạn của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

(i) Khoản đầu tư vốn vào Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều (trước đây là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều) với giá trị vốn góp là 38.040.000.000 VND (tại ngày 31/12/2021: 37.240.000.000 VND), chiếm 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư, tư vấn du học; đào tạo ngoại ngữ, tin học, phòng khám đa khoa. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 5 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều đã được đăng ký tăng lên 40.000.000.000 VND. Đến ngày 30/6/2022, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều với số tiền là 38.040.000.000 VND, tiền độ góp vốn là 95,10%.

(ii) Khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An Loan Trâm với giá trị vốn góp là 75.000.000.000 VND, chiếm 30% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Triều An Loan Trâm hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện (Bệnh viện Triều An - Loan Trâm).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

(iii) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu đô thị mới Sài Gòn với giá trị 110.000.000.000 VND, chiếm 17,74% vốn điều lệ của công ty này. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Đô thị mới Sài Gòn là đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản.

Công ty chưa xác định giá hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cửa hàng Dụng cụ Y Khoa Số 9 Công ty TNHH TM DV TBYT Cao Minh	1.709.250.000	1.709.250.000	808.350.000	808.350.000
Công ty Cổ phần Trang thiết bị Y Tế Công Vàng	2.066.450.000	2.066.450.000	401.450.000	401.450.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thống Nhất	3.433.100.000	3.433.100.000	1.493.500.000	1.493.500.000
Công ty TNHH TM Kỹ Thuật An Pha	7.673.100.000	7.673.100.000	512.000.000	512.000.000
Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	1.573.600.000	1.573.600.000	1.153.000.000	1.153.000.000
Công ty TNHH TM Dược phẩm Mười Tháng Ba	3.524.571.180	3.524.571.180	765.550.000	765.550.000
Công ty TNHH KHKT Minh Khang	3.345.887.707	3.345.887.707	1.078.403.427	1.078.403.427
Công ty TNHH Dược Y Tế Nguyễn Hải	12.368.020.000	12.368.020.000	3.115.260.000	3.115.260.000
Công ty Cổ phần Trang Y	2.406.504.781	2.406.504.781	4.159.898.880	4.159.898.880
Công ty TNHH TM - DV & SX Việt Tường	6.784.650.000	6.784.650.000	5.810.940.000	5.810.940.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Ta	3.232.640.000	3.232.640.000	1.920.110.000	1.920.110.000
Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình	4.727.054.000	4.727.054.000	2.915.914.000	2.915.914.000
	1.588.622.976	1.588.622.976	2.596.134.927	2.596.134.927

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dương				
Công ty Cổ phần Dược liệu TW II - Phytopharma	3.991.094.403	3.991.094.403	2.539.999.430	2.539.999.430
Công ty TNHH TM TTB Y Tế Nhân Trung	7.051.645.582	7.051.645.582	4.664.920.274	4.664.920.274
Công ty TNHH Dược phẩm & TTBYT Hoàng Đức	1.736.471.199	1.736.471.199	625.981.680	625.981.680
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Hà	1.202.339.000	1.202.339.000	1.912.769.554	1.912.769.554
Công ty Cổ phần Dược phẩm TENAMYD	1.116.166.464	1.116.166.464	1.626.731.820	1.626.731.820
Công ty TNHH Khả Lộc	519.694.350	519.694.350	1.880.325.800	1.880.325.800
Phải trả các đối tượng khác	25.264.599.342	25.264.599.342	25.417.347.286	25.417.347.286
Cộng	95.315.460.983	95.315.460.983	65.398.587.078	65.398.587.078

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Người mua trả tiền trước là Công ty, tổ chức	293.700.000	238.000.000
Người mua trả tiền trước là bệnh nhân	7.641.048.307	4.134.330.301
Cộng	7.934.748.307	4.372.330.301

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2022	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2022
a) Phải nộp	2.066.104	387.491.909	167.105.713	222.452.300
Thuế GTGT đầu ra	2.066.104	189.394.765	163.105.713	28.355.156
Thuế thu nhập cá nhân	-	194.097.144	-	194.097.144
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
b) Phải thu	2.028.524.163	3.613.134.027	3.032.137.864	1.447.528.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.447.528.000	-	-	1.447.528.000
Thuế thu nhập cá nhân	580.996.163	3.613.134.027	3.032.137.864	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- Doanh thu khám, chữa bệnh : Không chịu thuế

- Doanh thu khác : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí khám, chữa bệnh	1.919.906.705	3.314.874.572
Chi phí dụng cụ, chi phí quản lý doanh nghiệp phải trả	168.501.346	333.310.523
Cộng	2.088.408.051	3.648.185.095

16. Phải trả khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	123.996.190.492	124.315.630.919
Phải trả cổ tức	122.733.740.000	123.387.340.000
<i>Trong đó, cổ tức cho các thành viên chủ chốt (*)</i>	<i>108.863.800.000</i>	<i>108.863.800.000</i>
Phải trả, phải nộp khác	1.262.450.492	928.290.919
<i>Trong đó, phải trả cho thành viên chủ chốt (*)</i>	<i>19.190.000</i>	<i>12.970.000</i>
b) Dài hạn	279.485.239.428	279.485.239.428
<i>Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh</i>	<i>279.483.081.428</i>	<i>279.483.081.428</i>
Ông Trần Khải Hòa (i)	15.000.000.000	15.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Bình (i)	37.000.000.000	37.000.000.000
Ông Lê Trọng Trí (i) (**)	223.938.081.428	223.938.081.428
Trung tâm Chẩn đoán Y khoa Medic	3.545.000.000	3.545.000.000
<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>2.158.000</i>	<i>2.158.000</i>
Cộng	403.481.429.920	403.800.870.347
c) Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)	108.882.990.000	108.876.770.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
d) Phải trả dài hạn khác là bên liên quan (**)	<u>223.938.081.428</u>	<u>223.938.081.428</u>

- (i) Đây là các khoản tiền nhận góp vốn liên doanh với Công ty để đầu tư vào dự án Cụm Công nghiệp Long Sơn (tên trước đây là dự án Khu nhà ở Long Sơn) do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 làm chủ đầu tư (theo Hợp đồng số 291/HĐH-CTY ngày 19 tháng 4 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng số 405/PLHĐ-CTY ngày 20 tháng 6 năm 2011). Việc đầu tư không hình thành pháp nhân, phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp sau khi hoàn thành và khai thác xong dự án theo thỏa thuận hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 9 (xem Thuyết minh số V.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỰ NHÂN TRIỀU AN

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc
ngày 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	7.428.000.000	7.428.000.000	3.714.000.000	3.714.000.000	7.428.000.000	7.428.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM	7.428.000.000	7.428.000.000	3.714.000.000	3.714.000.000	7.428.000.000	7.428.000.000
b) Dài hạn	26.443.635.790	26.443.635.790	-	3.714.000.000	22.729.635.790	22.729.635.790
Vay dài hạn Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM	26.443.635.790	26.443.635.790	-	3.714.000.000	22.729.635.790	22.729.635.790
Cộng	33.871.635.790	33.871.635.790	3.714.000.000	7.428.000.000	30.157.635.790	30.157.635.790

Thông tin về khoản vay Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM:

- Phương án vay vốn : NQ của HĐQT số 26/NQ-HĐQT-TA ngày 19/11/2018 được thông qua tại BB họp HĐQT ngày 19/11/2018
- Quyỹ hỗ trợ kích cầu : Khoản vay này nằm trong gói kích cầu của Nhà nước theo Quyết định phê duyệt số 4032/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND TP. HCM, nên lãi suất vay này sẽ được hỗ trợ theo qui định, do đó Công ty chi trả khoản lãi vay và sẽ được Kho bạc Nhà nước TP. HCM trả lại lãi vay từ Quỹ hỗ trợ kích cầu.
- Hợp đồng tín dụng : Số 128/2019/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 11/10/2019
- Phụ lục Hợp đồng tín dụng : Số 80/2020/PLHĐ-ĐTTC-TD ngày 14/9/2020
- Hạn mức vay : 48.260.000.000 VND
- Mục đích vay : Hỗ trợ cho dự án “Đầu tư trang thiết bị y tế Bệnh viện Triều An”

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỰ NHÂN
TRIỀU AN**
Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc
ngày 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Thời hạn cho vay : 7 năm
Thời gian ân hạn trả vốn gốc : 6 tháng
Thời gian trả vốn gốc : 78 tháng (6 năm 6 tháng) kể từ ngày tiếp theo khi giải ngân
Đảm bảo nợ vay : Dùng nguồn thu dự án và tất cả các nguồn thu khác của Công ty để trả nợ vay
Lãi suất áp dụng : 7,525%/năm (năm 2021: 7,575%/năm - 7,6%/năm)

Lịch trả nợ của khoản vay Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM như sau:

Trong vòng 1 năm
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm
Sau 5 năm

Cộng

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)

Số phải trả sau 12 tháng

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
	7.428.000.000	7.428.000.000
	22.729.635.790	26.443.635.790
	30.157.635.790	33.871.635.790
	(7.428.000.000)	(7.428.000.000)
	22.729.635.790	26.443.635.790

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỰ NHẬN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc
ngày 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	490.000.000.000	42.593.823.597	194.099.139	31.044.202.259	563.832.124.995
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(26.877.572.442)	(26.877.572.442)
Số dư cuối năm trước	490.000.000.000	42.593.823.597	194.099.139	4.166.629.817	536.954.552.553
Số dư đầu năm nay	490.000.000.000	42.593.823.597	194.099.139	4.166.629.817	536.954.552.553
01/01/2022					
Lãi trong kỳ	-	-	-	13.791.812.766	13.791.812.766
Trích các quỹ	-	91.992.146	-	(1.644.202.259)	(1.552.210.113)
Số dư cuối kỳ này	490.000.000.000	42.685.815.743	194.099.139	16.314.240.324	549.194.155.206

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TƯ NHÂN
TRIỀU AN**

Số 425 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc
ngày 30/06/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 số 4103004995 ngày 8 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 590.000.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2022, vốn góp thực tế là 490.000.000.000 VND, vốn chưa góp là 100.000.000.000 VND, chi tiết góp vốn như sau:

Tên cổ đông	30/06/2022			01/01/2022		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị
Bà Dương Thị Dệt	18.750.000	38,27%	187.500.000.000	18.750.000	38,27%	187.500.000.000
Bà Viên Tú Anh	1.686.000	3,44%	16.860.000.000	1.686.000	3,44%	16.860.000.000
Ông Ngô Tôn Liên	300.000	0,61%	3.000.000.000	300.000	0,61%	3.000.000.000
Ông Trịnh Nhật Toàn	300.000	0,61%	3.000.000.000	300.000	0,61%	3.000.000.000
Ông Võ Ngọc Sơn	200.000	0,41%	2.000.000.000	200.000	0,41%	2.000.000.000
Ông Trần Ngọc Henri	2.000.000	4,08%	20.000.000.000	2.000.000	4,08%	20.000.000.000
Bà Trâm Thuyết Kiều	10.495.500	21,42%	104.955.000.000	10.495.500	21,42%	104.955.000.000
Ông Nguyễn Hải Tùng	50.000	0,10%	500.000.000	50.000	0,10%	500.000.000
Các cổ đông khác	15.218.500	31,06%	152.185.000.000	15.218.500	31,06%	152.185.000.000
Cộng	49.000.000	100,00%	490.000.000.000	49.000.000	100,00%	490.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Vốn góp đầu năm	490.000.000.000	490.000.000.000
Vốn tăng trong năm/ kỳ	-	-
Vốn giảm trong năm/ kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm/ kỳ	490.000.000.000	490.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.000.000	59.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.000.000	49.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.000.000	49.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.000.000	49.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.000.000	49.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (mười nghìn đồng).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	259.330.862.749	222.155.903.384
Doanh thu khám chữa bệnh	258.915.722.749	222.155.903.384
Doanh thu bán mộ	415.140.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.800.000	11.889.829
Hàng bán bị trả lại	1.800.000	11.889.829
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	259.329.062.749	222.144.013.555

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Giá vốn khám chữa bệnh	227.896.873.831	206.324.594.975
Giá vốn bán mộ	585.341.810	-
Cộng	228.482.215.641	206.324.594.975

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	333.069.608	657.712.334
Cộng	333.069.608	657.712.334

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí bảo lãnh	326.672.826	432.539.123
Cộng	326.672.826	432.539.123

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí khác bằng tiền	316.584.955	61.932.500
Cộng	316.584.955	61.932.500

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.988.680.148	15.695.883.403
Chi phí vật liệu quản lý	746.462.224	657.605.110
Chi chí đồ dùng văn phòng	351.110.164	177.899.041
Chi phí khấu hao	550.718.118	720.041.480
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.781.962	923.130.223
Chi phí khác bằng tiền	2.089.985.148	1.439.673.464
Cộng	20.273.737.764	19.618.232.721

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Cho thuê mặt bằng	3.511.818.182	1.411.818.184
Mua thuốc, vật tư khuyến mãi	-	13.478.664
Thu nhập khác	39.079.191	136.429.735
Cộng	3.550.897.373	1.561.726.583



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí khác	22.005.778	-
Cộng	22.005.778	-

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng loại hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động khám chữa bệnh: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% thu nhập chịu thuế.
- Đối với hoạt động khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	13.791.812.766	(2.073.846.847)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	1.444.935.778	703.706.370
Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế	1.444.935.778	703.706.370
Chi phí không được trừ	1.444.935.778	703.706.370
Trừ: Thu nhập không tính thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	15.236.748.544	(1.370.140.477)
<u>Trong đó:</u>		
- Đối với hoạt động khám chữa bệnh	11.890.123.475	(3.004.782.328)
- Đối với hoạt động khác	3.346.625.069	1.634.641.851
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) sau khi bù trừ các hoạt động	15.236.748.544	(1.370.140.477)
Trừ: Chuyển lỗ	(15.236.748.544)	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	-	(1.370.140.477)
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động khám chữa bệnh	10%	10%
- Đối với hoạt động khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	326.928.370
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	326.928.370

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.235.932.509	108.576.896.640
Chi phí nhân công	91.325.217.863	85.322.225.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.200.704.170	12.857.238.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.255.403.251	10.666.751.300
Chi phí khác bằng tiền	8.461.694.213	6.948.976.425
Cộng	250.478.952.006	224.372.088.385

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Mua sắm, xây dựng tài sản đã trả trước năm trước	2.036.596.300	8.330.708.716
Mua sắm, xây dựng tài sản chưa thanh toán	86.000.000	149.245.500

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Trả trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản	1.877.328.905	317.996.500
Mua sắm, xây dựng tài sản chưa thanh toán năm trước đã thanh toán trong kỳ	3.893.887.450	786.367.603
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong kỳ	653.600.000	2.504.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	6.193.482.237	6.673.291.604
Cộng	6.193.482.237	6.673.291.604

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ An Triều	Công ty con	Góp vốn	800.000.000	700.000.000
Thành viên chủ chốt	HĐQT, BKS và Ban điều hành, quản lý	Tiền cho mượn	-	15.000.000.000
		Tạm ứng	1.201.000.000	2.252.000.000
		Tiền mượn	6.220.000	6.390.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Giá trị khoản phải thu/(phải trả) 30/06/2022	01/01/2022
Thành viên chủ chốt	HĐQT, BKS và Ban điều hành, quản lý	Tiền cho mượn	7.000.000.000	7.000.000.000
		Tạm ứng	790.000.000	790.000.000
		Tiền mượn	19.190.000	12.970.000
Ông Lê Trọng Trí	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT - Từ ngày 30/5/2022	Nhận góp vốn đầu tư dự án dự án Cụm Công nghiệp Long Sơn	223.938.081.428	223.938.081.428
Bà Dương Thị Đẹt	Thành viên HĐQT - Đến ngày 30/05/2022	Cổ tức phải trả	106.875.000.000	106.875.000.000
Ông Ngô Tôn Liên	Thành viên HĐQT - Đến ngày 08/12/2021	Cổ tức phải trả	240.000.000	240.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			30/06/2022	01/01/2022
Ông Trịnh Nhật Toàn	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	Cổ tức phải trả	240.000.000	240.000.000
Bà Viên Tú Anh	Thành viên HĐQT	Cổ tức phải trả	1.348.800.000	1.348.800.000
Ông Võ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc tài chính, Thành viên thường trực HĐQT	Cổ tức phải trả	160.000.000	160.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khám chữa bệnh nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.736.808.285	-	32.675.822.978	-
Phải thu của khách hàng	34.608.806.564	(9.734.957)	12.859.266.816	(9.734.957)
Phải thu khác	498.053.292.639	-	498.053.292.639	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	110.000.000.000	-	110.000.000.000	-
Cộng	684.398.907.488	(9.734.957)	653.588.382.433	(9.734.957)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2022	01/01/2022
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	95.315.460.983	65.398.587.078
Chi phí phải trả	2.088.408.051	3.648.185.095
Phải trả khác	402.258.050.043	402.895.000.043
Các khoản vay	30.157.635.790	33.871.635.790
Cộng	529.819.554.867	505.813.408.006

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/6/2022, Công ty không có đảm bảo cho đơn vị khác bất kỳ tài sản nào và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Ngoài khoản phải thu Bảo hiểm xã hội thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động khám chữa bệnh chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với khoản phải thu khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
30/06/2022	227.604.679.649	302.214.875.218	529.819.554.867
Phải trả người bán	95.315.460.983	-	95.315.460.983
Chi phí phải trả	2.088.408.051	-	2.088.408.051
Phải trả khác	122.772.810.615	279.485.239.428	402.258.050.043
Các khoản vay	7.428.000.000	22.729.635.790	30.157.635.790
01/01/2022	199.884.532.788	305.928.875.218	505.813.408.006
Phải trả người bán	65.398.587.078	-	65.398.587.078
Chi phí phải trả	3.648.185.095	-	3.648.185.095
Phải trả khác	123.409.760.615	279.485.239.428	402.895.000.043
Các khoản vay	7.428.000.000	26.443.635.790	33.871.635.790

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do thời gian đáo hạn các công nợ tài chính dài hơn các tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động chính ở lĩnh vực khám chữa bệnh cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2021 đã được soát xét và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

10. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Người lập biểu



Đặng Thị Ngọc Mai

Kế toán trưởng



Phạm Thị Mỹ Linh



Phó Tổng Giám đốc tài chính

Võ Ngọc Sơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

